

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN  
KHOA MÔI TRƯỜNG**

---

**GIỚI THIỆU  
CÁC CHƯƠNG TRÌNH  
ĐÀO TẠO THẠC SĨ**

**PGS.TS. LÊ NGỌC TUẤN**

**TPHCM, tháng 5/2026**



# MỞ ĐẦU

Trong bối cảnh suy thoái tài nguyên, ONMT và BĐKH đang đặt ra những **thách thức** lớn chưa từng có, xã hội ngày càng cần đến những **nhà quản lý có tư duy chiến lược, kiến thức liên ngành và năng lực hành động vì sự PTBV.**

Các chương trình đào tạo Thạc sĩ của Khoa Môi Trường chính là cánh cửa mở ra **cơ hội** trở thành những chuyên gia tiên phong trong lĩnh vực “xanh”

- nơi **TRI THỨC GẶP GỠ TRÁCH NHIỆM,**  
và **ĐAM MÊ KẾT NỐI VỚI HÀNH ĐỘNG.**

**1. NGÀNH KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG**

**2. NGÀNH QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**



# NỘI DUNG

- 1. CƠ HỘI KHI HỌC THẠC SĨ**
- 2. XU HƯỚNG NGÀNH MÔI TRƯỜNG TRONG BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN HIỆN NAY**
- 3. VÌ SAO CHỌN HỌC THẠC SĨ NGÀNH MÔI TRƯỜNG TẠI KHOA MÔI TRƯỜNG, TRƯỜNG ĐHKHTN?**
- 4. SƠ LƯỢC VỀ TUYỂN SINH**
- 5. CHƯƠNG TRÌNH THẠC SĨ NGÀNH QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**
- 6. TRIỂN VỌNG VÀ THÔNG ĐIỆP**





11:11 AM



Master's Degree

Incoming call

I

# CƠ HỘI KHI HỌC THẠC SĨ

---



Decline



Accept



# CƠ HỘI KHI HỌC THẠC SĨ

- 1. Nâng cao chuyên môn sâu và tư duy hệ thống**
- 2. Gia tăng cơ hội nghề nghiệp và thu nhập**
- 3. Mở rộng mạng lưới nghề nghiệp và học thuật**
- 4. Phát triển bản thân, nâng tầm tư duy**
- 5. Đóng góp cho cộng đồng và PTBV**

# 1. Nâng cao chuyên môn sâu và tư duy hệ thống



- Khác với đại học, chương trình ThS **đào sâu vào chuyên ngành**, giúp người học **nắm vững kiến thức cốt lõi và cập nhật xu hướng mới nhất** trong lĩnh vực.
- Được rèn luyện **tư duy phản biện, NCKH**, từ đó **giải quyết vấn đề một cách chiến lược và sáng tạo**.

## 2. Gia tăng cơ hội nghề nghiệp và thu nhập



- **Thu nhập cao hơn 20-40%** so với người chỉ có bằng cử nhân.
- **Cơ hội thăng tiến** vào vị trí quản lý, chuyên gia, cố vấn cao cấp trong các tổ chức, công ty lớn.
- **Mở rộng cơ hội việc làm quốc tế, học tiếp tiến sĩ** hoặc làm nghiên cứu viên chuyên nghiệp.

### 3. Mở rộng mạng lưới nghề nghiệp và học thuật



- **Cơ hội để kết nối** với giảng viên, chuyên gia, doanh nghiệp và các học viên có cùng chí hướng.
- **Tạo nguồn lực** hỗ trợ quan trọng cho khởi nghiệp và sự nghiệp.

## 4. Phát triển bản thân, nâng tầm tư duy



- Giúp người học **xây dựng lại** tư duy học tập suốt đời, nâng cao khả năng tự học, tự nghiên cứu.
- **Trưởng thành hơn** trong tư duy, làm việc nhóm, phản biện và lãnh đạo.

## 5. Đóng góp cho cộng đồng và PTBV



- Với kiến thức chuyên sâu, người học có thể giải quyết các vấn đề KT - XH - MT từ góc độ chuyên gia.
- Góp phần xây dựng đội ngũ trí thức, chuyên gia chất lượng cao cho địa phương và quốc gia.



11:11 AM



Master's Degree

Incoming call

II

**XU HƯỚNG  
NGÀNH MÔI TRƯỜNG  
TRONG BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN  
HIỆN NAY**

---



Decline



Accept



# XU HƯỚNG NGÀNH MÔI TRƯỜNG

Trong bối cảnh chuyển động sâu sắc về **tư duy phát triển** (PTBV, KTTH, Net Zero...), **Ngành Môi trường** ngày càng khẳng định **vai trò trung tâm trong việc định hình chiến lược phát triển quốc gia và toàn cầu.**

- 1. Đồng hành cùng xu thế PTBV**
- 2. Gắn kết với KTTH và mô hình phát triển xanh**
- 3. Trụ cột trong chiến lược T.Ư và G.N BĐKH**
- 4. Mở rộng cơ hội nghề nghiệp và hợp tác quốc tế**

# 1. Đồng hành cùng xu thế phát triển bền vững



- Ngành MT là một trong những **trụ cột then chốt**.
- Liên quan đến ít nhất **9/17 mục tiêu PTBV** (SDGs) toàn cầu đến năm 2030.
- Những người làm trong ngành MT giữ vai trò **hoạch định, giám sát và thực thi các chính sách** nhằm bảo đảm sự hài hòa giữa KT-XH-MT.

## 2. Gắn kết với KTTT và mô hình phát triển xanh



- Trong quá trình chuyển đổi mô hình KT, **nhu cầu về đội ngũ chuyên gia** đang gia tăng mạnh mẽ trong cả khu vực công và tư.
- Tạo nên một **thị trường việc làm mới** đầy tiềm năng.
  - Thiết kế hệ thống quản lý chất thải, năng lượng và tài nguyên hiệu quả
  - Xây dựng chuỗi giá trị xanh
  - Đánh giá vòng đời sản phẩm
  - Lồng ghép các công cụ môi trường vào chính sách kinh tế...

### 3. Trụ cột trong chiến lược T.Ư và G.N BĐKH



- BĐKH đang diễn ra nhanh hơn dự báo, kéo theo nhiều hệ lụy. Ngành MT đóng vai trò **phân tích, đánh giá rủi ro, thiết kế các giải pháp chiến lược T.Ư BĐKH...** tại cộng đồng, vùng sinh thái và quốc gia.
- Cam kết đạt Net Zero vào năm 2050 mở ra **nhu cầu lớn về nguồn nhân lực** có khả năng quản lý phát thải KNK trong các lĩnh vực *nông nghiệp, công nghiệp, giao thông, năng lượng, chất thải...*

## 4. Mở rộng cơ hội nghề nghiệp và hợp tác quốc tế



- Ngành MT trở thành **nền tảng cho phát triển liên ngành, kết nối các lĩnh vực** như: chính sách công, CNMT, NN thông minh, tài chính xanh, quy hoạch lãnh thổ...
- **Cơ hội nghề nghiệp:** trong nước, các tổ chức quốc tế, NGO, viện nghiên cứu, doanh nghiệp PTBV...



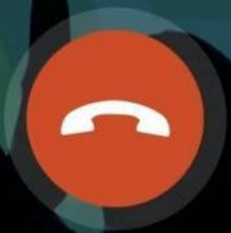
11:11 AM



Master's Degree

Incoming call

III



Decline



Accept



**CHỌN HỌC THẠC SĨ**  
**TẠI**  
**KHOA MÔI TRƯỜNG**  
**Trường ĐHKHTN, ĐHQG-HCM**

---

# Hơn 25 năm hình thành và phát triển

## 1. Tư duy liên ngành – Hành động thực tiễn

HV được trang bị **kiến thức tổng hợp** về quản lý tài nguyên, ĐDSH, kinh tế môi trường, KTTH, KSON, quản lý CLMT, ứng phó BĐKH, PTBV... kết hợp với **kỹ năng** phân tích chính sách, sử dụng công cụ THMT, ĐTM và thích ứng với rủi ro sinh thái, khí hậu...

## 2. Giảng dạy bởi chuyên gia hàng đầu

Đội ngũ GV là các PGS, TS, nhà khoa học, chuyên gia trong nước và quốc tế, **luôn đồng hành với học viên từ lý thuyết đến thực tiễn.**

# Đội ngũ đào tạo

## ❑ **Đội ngũ Giảng viên khoa**

✓ PGS.TS: 04 thầy/cô

✓ Tiến sĩ: 18 thầy/cô

## ❑ **Đội ngũ Giảng viên thỉnh giảng: từ các trường, Viện thuộc ĐHQG-HCM**





## **PGS. TS. LÊ NGỌC TUẤN**

**Trưởng Bộ Môn, Giảng viên cao cấp**

[Intuan@hcmus.edu.vn](mailto:Intuan@hcmus.edu.vn)

**ĐT: 0908 371 379**



## **PGS. TS. BÙI VIỆT HƯNG**

**Phó Trưởng Bộ Môn, Giảng viên cao cấp**

[bvhung@hcmus.edu.vn](mailto:bvhung@hcmus.edu.vn)

**ĐT: 0907951229**



**TS. TRẦN BÍCH CHÂU**



**TS. NGUYỄN BÍCH NGỌC**



**TS. TRẦN T. MAI PHƯƠNG**



**TS. LÊ HOÀNG ANH**



**TS. NGUYỄN THỊ  
HUỖNH TRÂM**



**TS. NGUYỄN THỊ  
THỦY HẰNG**



**TS. ĐẶNG THỊ  
THANH LÊ**



**TS. LÊ THỊ  
TUYẾT MAI**

### 3. Nghiên cứu gắn với thực tiễn phát triển

- HV có cơ hội **tham gia đề tài các cấp**: trường/ĐHQG, tỉnh/bộ, QG và HTQT.
- Hướng tới **các vấn đề “nóng”** như KSON và quản lý CLMT đất, nước, không khí, thích ứng với XNM, BĐKH, phát triển sinh kế bền vững, KTTH, năng lượng sạch, Net Zero....

### 4. Triển vọng nghề nghiệp rộng mở

Tốt nghiệp, HV có thể **đảm nhiệm các vị trí** tại CQQLNN, viện nghiên cứu, tổ chức quốc tế, đơn vị tư vấn môi trường, doanh nghiệp, NGO, hoặc tiếp tục **nghiên cứu ở bậc tiến sĩ** trong và ngoài nước.



11:11 AM



Master's Degree

Incoming call

IV



Decline



Accept



# SƠ LƯỢC TUYỂN SINH

---

# SƠ LƯỢC VỀ TUYỂN SINH



- 1. Đối tượng tuyển sinh**
- 2. Thời gian tuyển sinh**
- 3. Phương thức tuyển sinh**
- 4. Học phí và học bổng**

# 1. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

## Chương trình phù hợp với:

- **Cử nhân** các ngành môi trường, nông nghiệp, lâm nghiệp, địa lý, sinh học, quản lý đất đai...

## Ngành **ĐÚNG** dự tuyển:

- **Khoa học Môi trường;**
- **Kỹ thuật Môi trường;**
- **Quản lý tài nguyên và môi trường;**
- Quản lý đất đai;
- Quản lý biển đảo và đới bờ.

# Ngành PHÙ HỢP dự tuyển:

## Ngành tốt nghiệp đại học

Hóa học; Công nghệ kỹ thuật hóa học; Sinh học; Công nghệ sinh học; Sinh thái học; Kinh tế tài nguyên thiên nhiên; Quản lý tài nguyên rừng; Bản đồ, viễn thám và hệ thống thông tin địa lý; Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ; Địa lý tự nhiên; Địa lý tài nguyên và môi trường; Khí tượng và khí hậu học; Thủy văn học; Hải dương học; Biến đổi khí hậu và Phát triển bền vững; Đô thị học; Quản lý đô thị; Kỹ thuật tài nguyên nước; kỹ thuật cấp nước.

Kỹ thuật công trình thủy

Bảo hộ lao động

## Bổ túc kiến thức

1. Quản lý môi trường (2TC)
2. Môi trường Đại cương (2TC)

1. Quản lý môi trường (2TC)
2. Sinh thái môi trường (2TC)

Sinh thái môi trường (2TC)

## 2. THỜI GIAN TUYỂN SINH

Hàng năm, Trường ĐHKHTN tổ chức **2 kỳ thi** Tuyển sinh Sau đại học:

| ĐỢT   | Tổ chức thi | Thông báo tuyển sinh | Phát và nhận hồ sơ |
|-------|-------------|----------------------|--------------------|
| Đợt 1 | Giữa T5     | Cuối T2 – đầu T3     | Đầu T3 - giữa T4   |
| Đợt 2 | Giữa T10    | Cuối T7 – đầu T8     | Đầu T8 - giữa T9   |

# 3. PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH

**Chỉ tiêu tuyển sinh: 50**

Có **02 phương thức tuyển sinh:**

**(1) Tuyển thẳng:** chỉ xét hồ sơ ứng viên.

**(2) Xét tuyển:** Có 02 bước:

- **Xét tuyển hồ sơ** theo các điều kiện.
- Trong trường hợp hồ sơ chưa đạt → ứng viên tham gia thêm 01 buổi **Phòng vấn chuyên môn** để hội đồng đánh giá xét tuyển.

**Thi tuyển môn Ngoại ngữ:** thí sinh thi môn Ngoại ngữ (hoặc nộp chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định để được xét miễn thi)

# ĐIỀU KIỆN TUYỂN THĂNG

1. Đã tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp đại học **ngành ĐÚNG với ngành đăng ký tuyển sinh**
2. Đạt yêu cầu về **năng lực ngoại ngữ** như quy định tại *Phụ lục 2*
3. Thỏa **một trong các điều kiện** sau:
  - Tốt nghiệp đại học chính quy **loại giỏi** có điểm trung bình tích lũy từ **8.0 trở lên** (theo thang điểm 10).
  - Tốt nghiệp trình độ đại học chính quy là **thủ khoa của ngành**.
  - Tốt nghiệp trình độ đại học **đạt giải nhất, nhì, ba các kỳ thi Olympic sinh viên** (giải thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học của Bộ Giáo dục và Đào tạo; giải thưởng Eureka và các giải thưởng khoa học công nghệ cấp quốc gia, quốc tế được tổ chức ở trong nước và ngoài nước).
  - Tốt nghiệp trình độ đại học chính quy với chuẩn chương trình đào tạo từ **150 tín chỉ trở lên** và **đúng thời hạn** theo Quy chế đào tạo trình độ đại học hiện hành có điểm trung bình tích lũy từ **7.5 trở lên** (theo thang điểm 10)

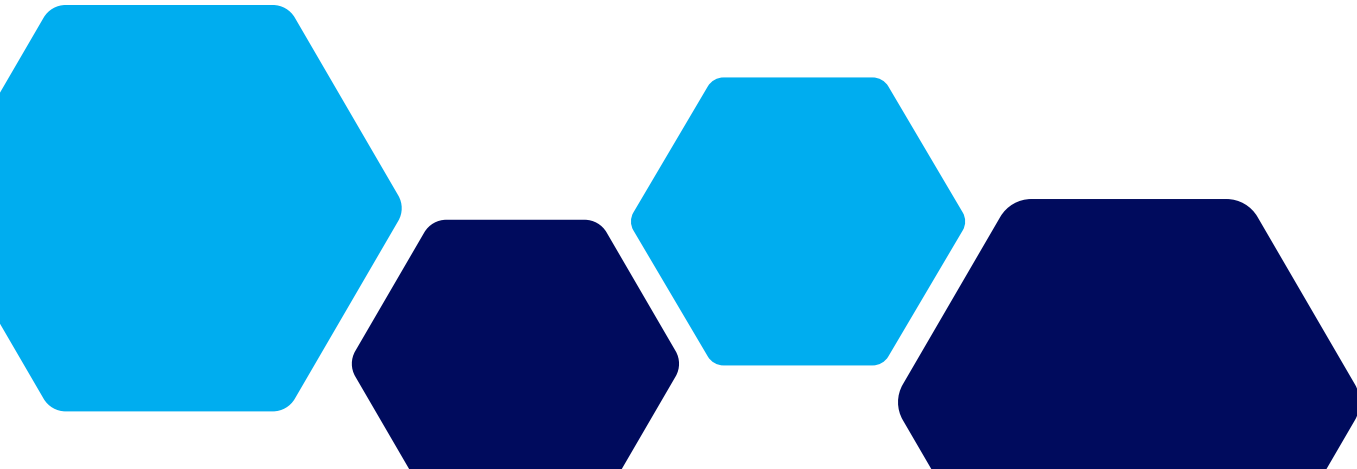
# **ĐỐI TƯỢNG XÉT TUYỂN HỒ SƠ** (không phỏng vấn chuyên môn)

**Văn bằng tốt nghiệp** đại học **thỏa một trong các điều kiện sau:**

- a) Tốt nghiệp đại học **các chương trình đào tạo đạt chuẩn kiểm định** hoặc đánh giá theo các bộ tiêu chuẩn khu vực và quốc tế, gồm: AUN-QA, AACSB, ACBSP, ABET, EUR-ACE, FIBAA, CT, **ASIIN**, HCERES và có điểm trung bình tích lũy ở bậc đại học từ **6.5 điểm** trở lên (theo thang điểm 10).
- b) Tốt nghiệp **chương trình tiên tiến theo Đề án của BGDĐT** ở một số trường đại học của Việt Nam và có điểm trung bình tích lũy từ **7.0 điểm trở lên** (theo thang điểm 10)
- c) Tốt nghiệp **đại học chính quy** có điểm trung bình tích lũy từ **7.0 điểm trở lên** (theo thang điểm 10).
- d) Tốt nghiệp chương trình kỹ sư, cử nhân tài năng của ĐHQG-HCM hoặc ĐHQG-HN.
- e) Tốt nghiệp đại học có chứng chỉ quốc tế GMAT (Graduate Management Admission Test), GRE (The Graduate Record Examination).
- f) Người nước ngoài và đã đạt trình độ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài.

# ĐỐI TƯỢNG XÉT TUYỂN HỒ SƠ **VÀ** PHÒNG VẤN CHUYÊN MÔN

Ứng viên **không** thuộc một trong các đối tượng trên thì **sẽ** nộp hồ sơ dự tuyển **và** dự phỏng vấn chuyên môn.



# ĐIỀU KIỆN NGOẠI NGỮ

## NGÔN NGỮ:

Tiếng Anh; Tiếng Pháp; Tiếng Đức; Tiếng Trung; Tiếng Nhật; Tiếng Nga; Tiếng Hàn

## MIỄN THI:

Chứng chỉ ngoại ngữ đạt tối thiểu **trình độ B1** theo *Khung tham chiếu trình độ ngôn ngữ chung của Châu Âu - CEFR* (tương đương **bậc 3/6** theo *Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam/VSTEP*).

## DỰ THI:

Ứng viên **chưa đạt yêu cầu** về năng lực ngoại ngữ tiếng Anh như qui định tại *Phụ lục 4*.

| <b>Ngôn ngữ</b> | <b>Chứng chỉ/ đơn vị cấp</b>   | <b>Điểm tối thiểu</b>   |
|-----------------|--|---|
| Tiếng Anh       | TOEFL/ <i>Educational Testing Service (ETS)</i>  | iBT 40; ITP: 460  |
|                 | IELTS/ <i>British Council; International Development Program (IDP); Cambridge ESOL</i> | IELTS 4.5   |
|                 | TOEIC/ <i>Educational Testing Service (ETS)</i>  | Reading 275; Listening 275<br>Speaking 120; Writing 120   |
|                 | Cambridge Exam/ <i>Cambridge ESOL</i>  | A2 Key 140<br>B1 Preliminary: 140<br>B2 First: 140<br>B1 Business Preliminary 140<br>B2 Business Vantage: 140 |
|                 | Aptis ESOL/ <i>British Council</i>   | B1  |

# 4. HỌC PHÍ VÀ HỌC BỔNG

- **HỌC PHÍ:**

Khóa tuyển 2026, dự kiến khoảng **45 triệu/năm; 1.512.000đ/TC**

- **HỌC BỔNG:**

+ **Sinh viên tuyển thẳng** sẽ được ưu tiên xét cấp học bổng tương đương **20% mức thu học phí**

+ Tỷ lệ học viên được xét cấp học bổng khoảng 37% (khóa tuyển 2024)

- **THAM GIA ĐỀ TÀI CẤP ĐHQG: 25 triệu/HV**



11:11 AM



Master's Degree

Incoming call

V



Decline



Accept



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
THẠC SĨ NGÀNH

QUẢN LÝ  
TÀI NGUYÊN và  
MÔI TRƯỜNG

**LỰA CHỌN CHIẾN LƯỢC  
CHO TƯƠNG LAI BỀN VỮNG**

# CHƯƠNG TRÌNH ThS QLTN&MT



- 1. Thông tin về ngành đào tạo**
- 2. Loại chương trình đào tạo và Phương thức đào tạo**
- 3. Cấu trúc chương trình**
- 4. Khung chương trình**

# 1. THÔNG TIN VỀ NGÀNH ĐÀO TẠO

- Tên tiếng Việt: Quản lý Tài nguyên và Môi trường
- Tên tiếng Anh: Natural Resources and Environmental Management
- Mã số ngành: 8850101
- Thời gian đào tạo: **chuẩn toàn khóa là 24 tháng (2 năm)**
- Hình thức đào tạo: Chính quy
- Tên văn bằng tốt nghiệp:

**Thạc sĩ Quản lý Tài nguyên và Môi trường**

## 2. LOẠI C.TRÌNH & PHƯƠNG THỨC ĐÀO TẠO

| Loại C.trình                   | Phương thức đào tạo  | Mô tả  |
|--------------------------------|--|--|
| <b>Chương trình nghiên cứu</b> | <b>Phương thức 1</b><br>Dành cho người hướng đến <b>học thuật, nghiên cứu chuyên sâu</b>         | <ul style="list-style-type: none"><li>• Học các môn học của chương trình đào tạo;</li><li>• <b>Nghiên cứu khoa học</b>;</li><li>• Thực hiện luận văn thạc sĩ</li></ul> |
| <b>Chương trình ứng dụng</b>   | <b>Phương thức 2</b><br>Dành cho người muốn <b>nâng cao chuyên môn để phát triển nghề nghiệp</b> | <ul style="list-style-type: none"><li>• Học các môn học của chương trình đào tạo;</li><li>• Thực hiện luận văn thạc sĩ</li></ul>                                       |
|                                | <b>Phương thức 3</b><br>Phù hợp với <b>người đi làm cần ứng dụng kiến thức vào thực tiễn</b>     | <ul style="list-style-type: none"><li>• Học các môn học của chương trình đào tạo;</li><li>• <b>Thực tập</b>;</li><li>• Thực hiện <b>đồ án tốt nghiệp</b></li></ul>     |

# 3. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

| Loại chương trình | Tổng số tín chỉ | Số tín chỉ      |          |                       |                |
|-------------------|-----------------|-----------------|----------|-----------------------|----------------|
|                   |                 | Kiến thức chung |          | Kiến thức cơ sở và CN | Luận văn/đồ án |
|                   |                 | (Triết, N. ngữ) | Bắt buộc | Tự chọn               |                |
| Phương thức 1     | 60              | 3               | 15       | 12                    | 30             |
| Phương thức 2     | 60              | 3               | 15       | 30                    | 12             |
| Phương thức 3     | 60              | 3               | 21       | 30                    | 06             |

# 4. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

4. Khung chương trình đào tạo

| Stt | Mã môn học | Tên môn học                 | Số tín chỉ |          |            |
|-----|------------|-----------------------------|------------|----------|------------|
|     |            |                             | Tổng số    | LT       | TH, TN, TL |
| A   |            | <b>Phần kiến thức chung</b> | <b>3</b>   | <b>3</b> | <b>0</b>   |
|     | MTR        | Triết học                   | 3          | 3        | 0          |
|     | MNN        | Ngoại ngữ                   |            |          |            |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN, ĐHQG- HCM

| Stt | Mã môn học | Tên môn học                                 | Số tín chỉ |    |            |
|-----|------------|---|------------|----|------------|
|     |            |   | Tổng số    | LT | TH, TN, TL |
| B   |            | <b>Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành</b> |            |    |            |
| B.1 |            | <b>Môn học bắt buộc</b>                     |            |    |            |
|     |            | <b>Phương thức 1, Phương thức 2</b>         |            |    |            |
| 1   | MNC        | Phương pháp nghiên cứu khoa học             | 3          | 2  | 1          |
| 2   | MMT009     | Quan trắc và đánh giá chất lượng môi trường | 3          | 2  | 1          |
| 3   | MMT026     | Phân tích hệ thống trong quản lý môi trường | 3          | 2  | 1          |
| 4   | MMT040     | Quản lý tổng hợp tài nguyên và môi trường   | 3          | 2  | 1          |
| 5   | MMT060     | GIS và mô hình hóa môi trường               | 3          | 2  | 1          |
|     |            | <b>Phương thức 3</b>                        |            |    |            |
| 1   | MNC        | Phương pháp nghiên cứu khoa học             | 3          | 2  | 1          |
| 2   | MMT009     | Quan trắc và đánh giá chất lượng môi trường | 3          | 2  | 1          |
| 3   | MMT026     | Phân tích hệ thống trong quản lý môi trường | 3          | 2  | 1          |
| 4   | MMT040     | Quản lý tổng hợp tài nguyên và môi trường   | 3          | 2  | 1          |
| 5   | MMT060     | GIS và mô hình hóa môi trường               | 3          | 2  | 1          |
| 6   | MMT059     | Thực tập thực tế                            | 6          | 0  | 6          |

A. Phần kiến thức chung: Triết học, Ngoại ngữ

B. Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành:

+ Môn bắt buộc: 5 – 6 môn (tùy phương thức)

+ Môn tự chọn: 26 môn (**chọn 12 – 15 môn**)

C. Luận văn/Đồ án

Đối với **Phương thức 1**, trước khi bảo vệ luận văn, HV phải đáp ứng **một trong các tiêu chuẩn** sau:

- **Công bố ít nhất 1 bài báo** (HV là tác giả chính)
- **Là tác giả/ chủ sở hữu hoặc đồng tác giả/ đồng chủ sở hữu của ít nhất 1 kết quả nghiên cứu**, ứng dụng KH-CN đã đăng ký và được chấp nhận đăng ký hợp lệ bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ

# NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- **Củng cố và đào sâu kiến thức nền tảng về QLTN&MT**, tích hợp với các nội dung mới trong bối cảnh PTBV và chuyển đổi xanh.
- **Mở rộng chuyên đề chuyên sâu** về các vấn đề môi trường thực tiễn tại Việt Nam như BĐKH, ô nhiễm, suy thoái và xung đột sử dụng tài nguyên...
- **Tích hợp nội dung về QLMT trong doanh nghiệp**, gồm SXSH, chuỗi cung ứng xanh, KTTH, quản trị môi trường và trách nhiệm xã hội (ESG)...
- **Cập nhật các công cụ phân tích và phương pháp tiếp cận hiện đại**, bao gồm GIS, mô hình hóa, đánh giá rủi ro, lập quy hoạch môi trường theo hệ thống...
- **Tăng cường tính thực tiễn** với các hoạt động thực tập, chuyên đề ứng dụng và tiếp xúc thực tế tại các cơ quan quản lý, doanh nghiệp và cộng đồng.
- **Ứng dụng công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo (AI)** vào quản lý, giám sát và phân tích các vấn đề TN&MT.

# CÁC LĨNH VỰC TRỌNG TÂM

1. Quản lý tổng hợp môi trường
2. Quản lý tài nguyên thiên nhiên
3. Quản lý môi trường đô thị và công nghiệp
4. Kinh tế môi trường và chính sách
5. Biến đổi khí hậu và phát triển bền vững
7. Thực hành và chuyên đề



# 1. QUẢN LÝ TỔNG HỢP MÔI TRƯỜNG

- Quản lý tổng hợp tài nguyên và môi trường (MMT040)
- Phân tích hệ thống trong quản lý môi trường (MMT026)
- GIS và mô hình hóa môi trường (MMT060)
- Quy hoạch bảo vệ môi trường (MMT044)
- Đánh giá tác động môi trường và xã hội (MMT075)
- Đánh giá rủi ro môi trường (MMT017)
- Sự cố môi trường: đánh giá, ngăn ngừa và ứng phó (MMT074)

## 2. QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN

- . Quản lý tổng hợp tài nguyên nước (MMT045)
- . Quản lý đất đai (MMT067)
- . Quản lý tài nguyên và môi trường nông nghiệp – nông thôn (MMT046)
- . Lượng giá tài nguyên và tổn thất môi trường (MMT063)
- . Quản lý tổng hợp đới bờ (MMT013)
- . Viễn thám ứng dụng (MMT065)

### 3. QLMT ĐÔ THỊ VÀ CÔNG NGHIỆP

- Quản lý môi trường đô thị và khu công nghiệp (MMT051)
- Quản lý và kiểm soát ô nhiễm không khí (MMT068)
- Quản lý và kiểm soát ô nhiễm nước (MMT069)
- Quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại (MMT033)

### 4. KINH TẾ MÔI TRƯỜNG VÀ CHÍNH SÁCH

- Phân tích chính sách môi trường và tài nguyên (MMT062)
- Kinh tế tuần hoàn ứng dụng (MMT073)
- Quản lý chuỗi cung ứng xanh (MMT071)
- Các nguyên lý sản xuất sạch hơn (MMT072)

## 5. BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ PTBV

- Biến đổi khí hậu: đánh giá, giảm thiểu và thích ứng (MMT066)
- Năng lượng và môi trường (MMT039)
- Quản trị đổi mới và sáng tạo (MMT077)

## 6. PHƯƠNG PHÁP VÀ CÔNG CỤ NGHIÊN CỨU

- Phương pháp nghiên cứu khoa học (MNC)
- Khoa học dữ liệu môi trường (MMT064)
- Quan trắc và đánh giá chất lượng môi trường (MMT009)

## 7. THỰC HÀNH VÀ CHUYÊN ĐỀ

- Thực tập tài nguyên và môi trường (MMT061)
- **Thực tập thực tế** (MMT059 – cho PT3)
- Chuyên đề quản lý tài nguyên và môi trường (MMT076)
- Chuyên đề kiến thức nâng cao (MMT038)





11:11 AM



Master's Degree

Incoming call

VI



Decline



Accept



TRIỂN VỌNG  
&  
THÔNG ĐIỆP

---

# A. CHẤT LƯỢNG VÀ TRIỂN VỌNG

- 1. Tính toàn diện và chuyên sâu**
- 2. Gắn với các thách thức thời đại**
- 3. Linh hoạt và định hướng ứng dụng cao**
- 4. Tính thực tiễn và kỹ năng nghề nghiệp**
- 5. Cơ hội nghề nghiệp rộng mở**

# 1. Tính toàn diện và chuyên sâu

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN, ĐHQG- HCM**

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ**  
**ÁP DỤNG KHÓA NĂM 2024**

(Đính kèm Quyết định số 3718 /QĐ-KHTN, ngày 02/12/2024 của Hiệu trưởng,  
Trưởng Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM)

**1. THÔNG TIN VỀ NGÀNH ĐÀO TẠO**

- Tên tiếng Việt: **Quản lý Tài nguyên và Môi trường**
- Tên tiếng Anh: **Natural Resources and Environmental Management**
- Mã số ngành: 8850101
- Thời gian đào tạo: thời gian đào tạo chuẩn toàn khóa là 24 tháng (2 năm)
- Hình thức đào tạo: Chính quy
- Tên văn bằng tốt nghiệp: Thạc sĩ Quản lý Tài nguyên và Môi trường

**2. Loại chương trình đào tạo và Phương thức đào tạo**

- Chương trình nghiên cứu: đào tạo theo Phương thức 1 (viết tắt PT1)
  - Phương thức 1: học viên phải học các môn học của chương trình đào tạo, nghiên cứu khoa học và thực hiện luận văn thạc sĩ.
- Chương trình ứng dụng: đào tạo theo Phương thức 2 (viết tắt PT2) và Phương thức 3 (viết tắt PT3)
  - Phương thức 2: học viên phải học các môn học của chương trình đào tạo và thực hiện luận văn thạc sĩ.
  - Phương thức 3: học viên phải học các môn học của chương trình đào tạo; thực tập và thực hiện đồ án tốt nghiệp.

**3. Cấu trúc chương trình đào tạo:**

| Loại chương trình | Tổng số tín chỉ | Số tín chỉ                         |                                |         | Luận văn/ đồ án |
|-------------------|-----------------|------------------------------------|--------------------------------|---------|-----------------|
|                   |                 | Kiến thức chung (triết, ngoại ngữ) | Kiến thức cơ sở và CN Bắt buộc | Tự chọn |                 |
| Phương thức 1     | 60              | 3                                  | 15                             | 12      | 30              |
| Phương thức 2     | 60              | 3                                  | 15                             | 30      | 12              |
| Phương thức 3     | 60              | 3                                  | 21                             | 30      | 6               |

**4. Khung chương trình đào tạo**

| Stt | Mã môn học | Tên môn học                 | Số tín chỉ |          |            |
|-----|------------|-----------------------------|------------|----------|------------|
|     |            |                             | Tổng số    | LT       | TH, TN, TL |
| A   |            | <b>Phần kiến thức chung</b> | <b>3</b>   | <b>3</b> | <b>0</b>   |
|     | MTR        | Triết học                   | 3          | 3        | 0          |
|     | MNN        | Ngoại ngữ                   |            |          |            |

Chương trình có **cấu trúc khoa học, kết hợp:**

- **Kiến thức nền tảng vững chắc** (triết học, PPNCKH, quan trắc môi trường...)
- **Kiến thức chuyên ngành đa dạng**, bao phủ hầu hết các lĩnh vực chính như:
  - QL tài nguyên nước, đất, không khí, QL chất thải
  - Chính sách và kinh tế môi trường
  - BDKH, kinh tế tuần hoàn, PTBV
  - Công nghệ hiện đại: GIS, mô hình hóa, viễn thám, khoa học dữ liệu

## 2. Gắn với các thách thức thời đại

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN, ĐHQG- HCM**

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ**  
**ÁP DỤNG KHÓA NĂM 2024**

(Đính kèm Quyết định số 3718 /QĐ-KHTN, ngày 02/12/2024 của Hiệu trưởng,  
Trưởng Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM)

**1. THÔNG TIN VỀ NGÀNH ĐÀO TẠO**

- Tên tiếng Việt: **Quản lý Tài nguyên và Môi trường**
- Tên tiếng Anh: **Natural Resources and Environmental Management**
- Mã số ngành: 8850101
- Thời gian đào tạo: thời gian đào tạo chuẩn toàn khóa là 24 tháng (2 năm)
- Hình thức đào tạo: Chính quy
- Tên văn bằng tốt nghiệp: Thạc sĩ Quản lý Tài nguyên và Môi trường

**2. Loại chương trình đào tạo và Phương thức đào tạo**

- Chương trình nghiên cứu: đào tạo theo Phương thức 1 (viết tắt PT1)
  - Phương thức 1: học viên phải học các môn học của chương trình đào tạo, nghiên cứu khoa học và thực hiện luận văn thạc sĩ.
- Chương trình ứng dụng: đào tạo theo Phương thức 2 (viết tắt PT2) và Phương thức 3 (viết tắt PT3)
  - Phương thức 2: học viên phải học các môn học của chương trình đào tạo và thực hiện luận văn thạc sĩ.
  - Phương thức 3: học viên phải học các môn học của chương trình đào tạo; thực tập và thực hiện đồ án tốt nghiệp.

**3. Cấu trúc chương trình đào tạo:**

| Loại chương trình | Tổng số tín chỉ | Số tín chỉ                         |                                |         |                 |
|-------------------|-----------------|------------------------------------|--------------------------------|---------|-----------------|
|                   |                 | Kiến thức chung (triết, ngoại ngữ) | Kiến thức cơ sở và CN Bắt buộc | Tự chọn | Luận văn/ đồ án |
| Phương thức 1     | 60              | 3                                  | 15                             | 12      | 30              |
| Phương thức 2     | 60              | 3                                  | 15                             | 30      | 12              |
| Phương thức 3     | 60              | 3                                  | 21                             | 30      | 6               |

**4. Khung chương trình đào tạo**

| Stt | Mã môn học | Tên môn học                 | Số tín chỉ |          |            |
|-----|------------|-----------------------------|------------|----------|------------|
|     |            |                             | Tổng số    | LT       | TH, TN, TL |
| A   |            | <b>Phần kiến thức chung</b> | <b>3</b>   | <b>3</b> | <b>0</b>   |
|     | MTR        | Triết học                   | 3          | 3        | 0          |
|     | MNN        | Ngoại ngữ                   |            |          |            |

Nội dung chương trình **phản ánh đúng các vấn đề “nóng” hiện nay:**

- BĐKH: thích ứng, giảm nhẹ, hướng đến NETZERO
- ONMT đô thị, công nghiệp
- Quản lý TNTN bền vững
- Sự chuyển dịch xanh và phát triển KTTH

→ **Giúp HV có năng lực tham gia vào các giải pháp mang tính chiến lược, gắn liền thực tiễn.**

# 3. Linh hoạt và định hướng ứng dụng cao

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN, ĐHQG- HCM**

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ**  
**ÁP DỤNG KHÓA NĂM 2024**

(Đính kèm Quyết định số 3718 /QĐ-KHTN, ngày 02/12/2024 của Hiệu trưởng,  
Trưởng Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM)

**1. THÔNG TIN VỀ NGÀNH ĐÀO TẠO**

- Tên tiếng Việt: **Quản lý Tài nguyên và Môi trường**
- Tên tiếng Anh: **Natural Resources and Environmental Management**
- Mã số ngành: **8850101**
- Thời gian đào tạo: thời gian đào tạo chuẩn toàn khóa là 24 tháng (2 năm)
- Hình thức đào tạo: Chính quy
- Tên văn bằng tốt nghiệp: **Thạc sĩ Quản lý Tài nguyên và Môi trường**

**2. Loại chương trình đào tạo và Phương thức đào tạo**

- Chương trình nghiên cứu: đào tạo theo Phương thức 1 (viết tắt PT1)
  - Phương thức 1: học viên phải học các môn học của chương trình đào tạo, nghiên cứu khoa học và thực hiện luận văn thạc sĩ.
- Chương trình ứng dụng: đào tạo theo Phương thức 2 (viết tắt PT2) và Phương thức 3 (viết tắt PT3)
  - Phương thức 2: học viên phải học các môn học của chương trình đào tạo và thực hiện luận văn thạc sĩ.
  - Phương thức 3: học viên phải học các môn học của chương trình đào tạo; thực tập và thực hiện đồ án tốt nghiệp.

**3. Cấu trúc chương trình đào tạo:**

| Loại chương trình | Tổng số tín chỉ | Số tín chỉ                         |                                |         | Luận văn/ đồ án |
|-------------------|-----------------|------------------------------------|--------------------------------|---------|-----------------|
|                   |                 | Kiến thức chung (triết, ngoại ngữ) | Kiến thức cơ sở và CN Bắt buộc | Tự chọn |                 |
| Phương thức 1     | 60              | 3                                  | 15                             | 12      | 30              |
| Phương thức 2     | 60              | 3                                  | 15                             | 30      | 12              |
| Phương thức 3     | 60              | 3                                  | 21                             | 30      | 6               |

**4. Khung chương trình đào tạo**

| Stt | Mã môn học | Tên môn học                 | Số tín chỉ |          |            |
|-----|------------|-----------------------------|------------|----------|------------|
|     |            |                             | Tổng số    | LT       | TH, TN, TL |
| A   |            | <b>Phần kiến thức chung</b> | <b>3</b>   | <b>3</b> | <b>0</b>   |
|     | MTR        | Triết học                   | 3          | 3        | 0          |
|     | MNN        | Ngoại ngữ                   |            |          |            |

Có **3 phương thức đào tạo, phù hợp với nhiều đối tượng:**

- Nghiên cứu chuyên sâu
- Nâng cao chuyên môn, phát triển nghề nghiệp
- Ứng dụng thực tiễn

# 4. Tính thực tiễn và kỹ năng nghề nghiệp

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN, ĐHQG- HCM**

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ**  
**ÁP DỤNG KHÓA NĂM 2024**

(Đính kèm Quyết định số 3718 /QĐ-KHTN, ngày 02/12/2024 của Hiệu trưởng,  
Trưởng Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM)

**1. THÔNG TIN VỀ NGÀNH ĐÀO TẠO**

- Tên tiếng Việt: **Quản lý Tài nguyên và Môi trường**
- Tên tiếng Anh: Natural Resources and Environmental Management
- Mã số ngành: 8850101
- Thời gian đào tạo: thời gian đào tạo chuẩn toàn khóa là 24 tháng (2 năm)
- Hình thức đào tạo: Chính quy
- Tên văn bằng tốt nghiệp: Thạc sĩ Quản lý Tài nguyên và Môi trường

**2. Loại chương trình đào tạo và Phương thức đào tạo**

- Chương trình nghiên cứu: đào tạo theo Phương thức 1 (viết tắt PT1)
  - Phương thức 1: học viên phải học các môn học của chương trình đào tạo, nghiên cứu khoa học và thực hiện luận văn thạc sĩ.
- Chương trình ứng dụng: đào tạo theo Phương thức 2 (viết tắt PT2) và Phương thức 3 (viết tắt PT3)
  - Phương thức 2: học viên phải học các môn học của chương trình đào tạo và thực hiện luận văn thạc sĩ.
  - Phương thức 3: học viên phải học các môn học của chương trình đào tạo; thực tập và thực hiện đồ án tốt nghiệp.

**3. Cấu trúc chương trình đào tạo:**

| Loại chương trình | Tổng số tín chỉ | Số tín chỉ                         |                                  |         | Luận văn/ đồ án |
|-------------------|-----------------|------------------------------------|----------------------------------|---------|-----------------|
|                   |                 | Kiến thức chung (triết, ngoại ngữ) | Kiến thức cơ sở và CN (Bắt buộc) | Tự chọn |                 |
| Phương thức 1     | 60              | 3                                  | 15                               | 12      | 30              |
| Phương thức 2     | 60              | 3                                  | 15                               | 30      | 12              |
| Phương thức 3     | 60              | 3                                  | 21                               | 30      | 6               |

**4. Khung chương trình đào tạo**

| Stt | Mã môn học | Tên môn học                 | Số tín chỉ |          |            |
|-----|------------|-----------------------------|------------|----------|------------|
|     |            |                             | Tổng số    | LT       | TH, TN, TL |
| A   |            | <b>Phần kiến thức chung</b> | <b>3</b>   | <b>3</b> | <b>0</b>   |
|     | MTR        | Triết học                   | 3          | 3        | 0          |
|     | MNN        | Ngoại ngữ                   |            |          |            |

• Nhiều môn học **thực hành, thực tập, chuyên đề chuyên sâu**

• Học viên có cơ hội tiếp cận **công cụ phân tích hiện đại** (GIS, mô hình hóa, khoa học dữ liệu...)

• Tích hợp các **kỹ năng mềm** và **tư duy quản trị đổi mới** (SXSH, chuỗi cung ứng xanh, quản trị sáng tạo...)

# 5. Cơ hội nghề nghiệp rộng mở

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN, ĐHQG- HCM**

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ**  
**ÁP DỤNG KHÓA NĂM 2024**

(Đính kèm Quyết định số 3718 /QĐ-KHTN, ngày 02/12/2024 của Hiệu trưởng,  
Trưởng Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM)

**1. THÔNG TIN VỀ NGÀNH ĐÀO TẠO**

- Tên tiếng Việt: **Quản lý Tài nguyên và Môi trường**
- Tên tiếng Anh: **Natural Resources and Environmental Management**
- Mã số ngành: 8850101
- Thời gian đào tạo: thời gian đào tạo chuẩn toàn khóa là 24 tháng (2 năm)
- Hình thức đào tạo: Chính quy
- Tên văn bằng tốt nghiệp: Thạc sĩ Quản lý Tài nguyên và Môi trường

**2. Loại chương trình đào tạo và Phương thức đào tạo**

- Chương trình nghiên cứu: đào tạo theo Phương thức 1 (viết tắt PT1)
  - Phương thức 1: học viên phải học các môn học của chương trình đào tạo, nghiên cứu khoa học và thực hiện luận văn thạc sĩ.
- Chương trình ứng dụng: đào tạo theo Phương thức 2 (viết tắt PT2) và Phương thức 3 (viết tắt PT3)
  - Phương thức 2: học viên phải học các môn học của chương trình đào tạo và thực hiện luận văn thạc sĩ.
  - Phương thức 3: học viên phải học các môn học của chương trình đào tạo; thực tập và thực hiện đồ án tốt nghiệp.

**3. Cấu trúc chương trình đào tạo:**

| Loại chương trình | Tổng số tín chỉ | Số tín chỉ                         |                                |         |                 |
|-------------------|-----------------|------------------------------------|--------------------------------|---------|-----------------|
|                   |                 | Kiến thức chung (triết, ngoại ngữ) | Kiến thức cơ sở và CN Bắt buộc | Tự chọn | Luận văn/ đồ án |
| Phương thức 1     | 60              | 3                                  | 15                             | 12      | 30              |
| Phương thức 2     | 60              | 3                                  | 15                             | 30      | 12              |
| Phương thức 3     | 60              | 3                                  | 21                             | 30      | 6               |

**4. Khung chương trình đào tạo**

| Stt | Mã môn học | Tên môn học                 | Số tín chỉ |          |            |
|-----|------------|-----------------------------|------------|----------|------------|
|     |            |                             | Tổng số    | LT       | TH, TN, TL |
| A   |            | <b>Phần kiến thức chung</b> | <b>3</b>   | <b>3</b> | <b>0</b>   |
|     | MTR        | Triết học                   | 3          | 3        | 0          |
|     | MNN        | Ngoại ngữ                   |            |          |            |

**Sau khi tốt nghiệp, HV có thể làm việc tại:**

- CQQLNN về TN&MT (Bộ, Sở, Phòng...)
- Viện nghiên cứu, trường đại học
- Các tổ chức quốc tế, phi chính phủ (NGOs)
- Doanh nghiệp tư vấn môi trường, PTBV
- Các công ty sản xuất có bộ phận môi trường – ESG – trách nhiệm xã hội

# B. THÔNG ĐIỆP



Ngành QLTN&MT không chỉ là **ĐÁP ÁN** cho những thách thức thời đại, mà còn là **ĐÒN BẨY** cho những giải pháp **đổi mới sáng tạo** - hướng đến một tương lai xanh, bao trùm và bền vững.

# B. THÔNGIỆP



Đăng ký chương trình đào tạo thạc sĩ

## QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

MỘT LỰA CHỌN HỌC TẬP ĐÚNG ĐẮN, để trở thành  
NHÂN TỐ TIÊN PHONG, DẪN ĐẦU THAY ĐỔI TÍCH CỰC  
cho cộng đồng và góp phần KIẾN TẠO TƯƠNG LAI  
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG !

Chân thành  
cảm ƠN!

